

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay sau khi IHS Markit công bố chỉ số PMI Việt Nam đạt 51.8 điểm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp tục tăng nhẹ tương đồng với diễn biến hồi phục của TTCK châu Á

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VHM, HPG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tạm đóng các vị thế trading T+ trong nhịp hồi, giữ tỷ trọng ở mức thấp và chỉ nâng tỷ trọng trở lại nếu VNIndex bứt phá thành công qua vùng cản trên

02/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	933.68	925.47
VN30	899.27	892.55
HĐTL VN30F1M	904.00	896.60
HNXIndex	136.87	135.34
HNX30	250.71	247.71
UPCoM	63.08	62.85
USD/VND	23,178	23,178
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.59	2.59
Lãi suất qua đêm (%)	0.13	0.11
Dầu (WTI, \$)	34.65	35.79
Vàng (LME, \$)	1,885.30	1,878.81



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 933.68 (+0.89%)
KLGD (triệu CP) 273.5 (-3.7%)
GTGD (triệu US\$) 230.6 (-18.5%)

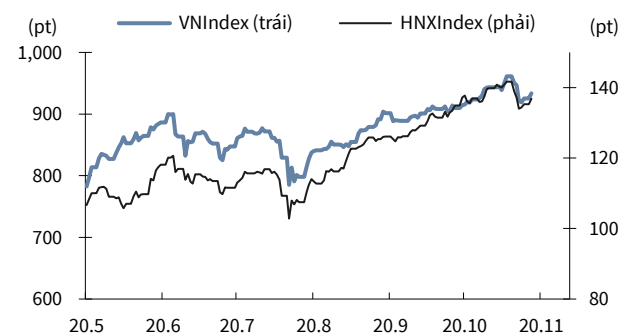
HNXIndex 136.87 (+1.13%)
KLGD (triệu CP) 30.1 (-10.9%)
GTGD (triệu US\$) 14.1 (-19.9%)

UPCoM 63.08 (+0.37%)
KLGD (triệu CP) 9.8 (-56.4%)
GTGD (triệu US\$) 5.6 (-6.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -22.1

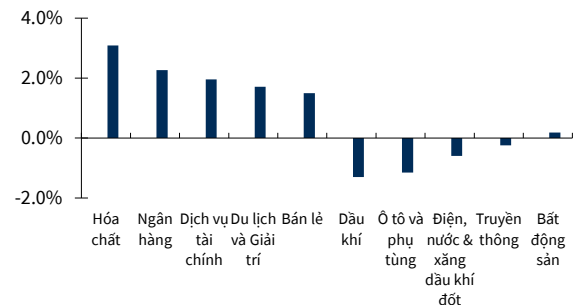
TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay sau khi IHS Markit công bố chỉ số PMI Việt Nam đạt 51.8 điểm, tháng thứ 2 liên tiếp ở trên mốc 50 điểm, phản ánh tình hình sức khỏe lĩnh vực sản xuất tiếp tục được cải thiện. Triển vọng vĩ mô phục hồi được củng cố trước thông tin trên giúp cổ phiếu ngân hàng tăng giá ở VCB (+3.4%), CTG (+4.8%). Số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết tiến độ giải ngân đầu tư công có nhiều tín hiệu khởi sắc và tăng tốc trong 3 tháng trở lại đây giúp cổ phiếu ngành hạ tầng như FCN (+6.5%), C4G (+1.3%) và cổ phiếu ngành nguyên vật liệu như HT1 (+0.7%), HPG (+0.2%) tăng giá. Cổ phiếu phân bón như DCM (+6.7%), DPM (+5.5%) tăng mạnh sau thông tin Chính phủ ban hành Nghị quyết đánh thuế giá trị gia tăng 5% (từ mức 0%) đối với sản phẩm phân bón, giúp các doanh nghiệp trong ngành được khấu trừ phần thuế giá trị gia tăng đầu vào. Tin từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc gói hỗ trợ kinh tế lần 2 sẽ ưu tiên lĩnh vực hàng không, du lịch, tiêu dùng giúp cổ phiếu ngành hàng không tăng giá ở VJC (+3.7%), ACV (+1.5%). Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng ở MSN (+0.6%), HPG (+0.2%), VRE (+0.8%).

VNIndex & HNXIndex



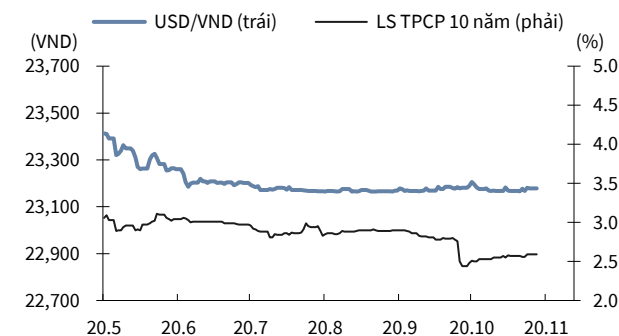
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



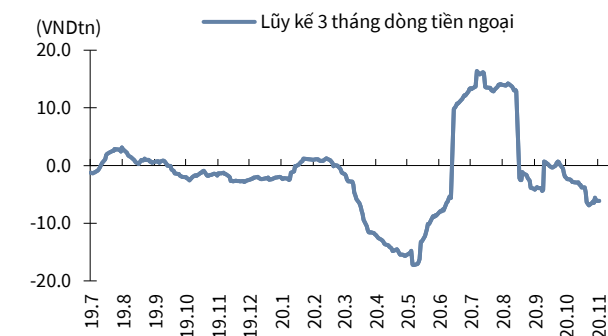
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

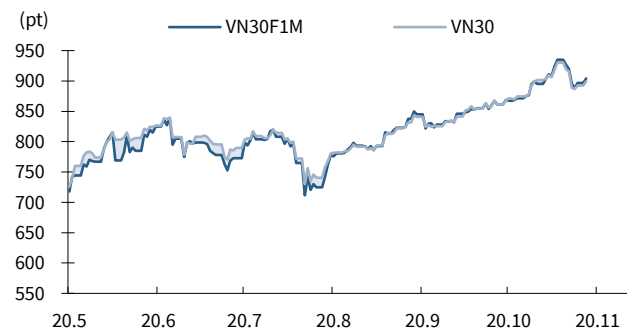
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	899.27 (+0.75%)
VN30F1M	904.0 (+0.83%)
Mở cửa	900.1
Cao nhất	907.0
Thấp nhất	895.4

HĐTL tiếp tục tăng nhẹ tương đồng với diễn biến hồi phục của TTCK châu Á. Chênh lệch F2011 và Vn30 mở cửa ở mức 7.55 và giao động giằng co trong phiên quanh 3.2 và 7.5, trước khi đóng cửa ở mức 4.53. NĐTNN giao dịch trầm lắng và bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản suy giảm về mức thấp trước kết quả bầu cử Mỹ.

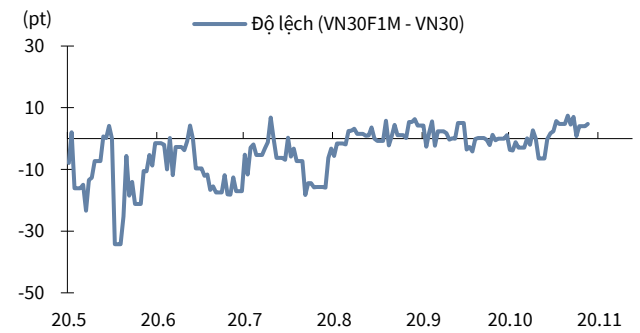
KLGD (HĐ) **134,755 (-37.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



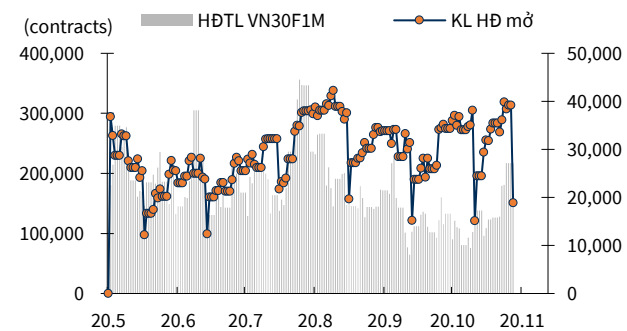
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



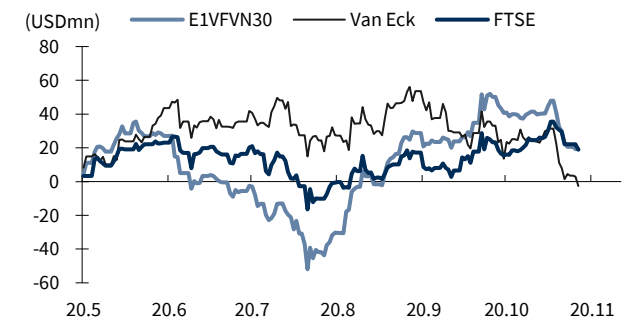
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

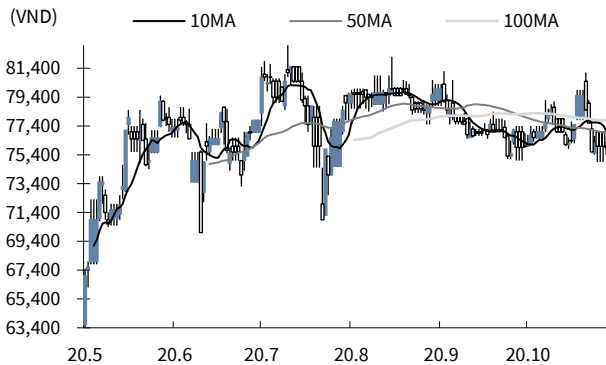
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

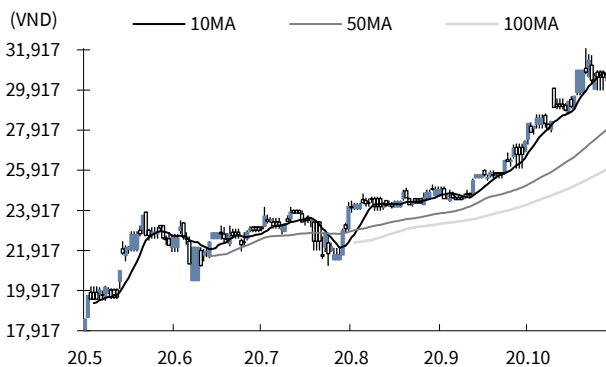
Vinhomes (VHM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHM giảm -0.1% xuống 75,900 VNĐ/cp.
- Trong báo cáo thuyết trình gửi nhà đầu tư, VHM dự kiến bàn giao 11,000 sản phẩm trong quý IV từ các đại dự án Vinhomes Ocean Park, Vinhomes Smart City và Vinhomes Grand Park, và 373 ha đất cho thuê tại khu công nghiệp Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2022.
- Tính đến 30/9, Vinhomes có 16,800 ha quỹ đất xây dựng căn hộ, officetel, shophouse, shopoffice, biệt thự, biệt thự biển và condotel (không bao gồm các dự án đã hoàn thành). Quỹ đất phát triển dự án dân cư chủ yếu tại Hà Nội (32%), TP HCM (26%), Hưng Yên (19%), Quảng Ninh (8%).

Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.2% lên 30,600 VNĐ/cp.
- Theo kế hoạch, Hòa Phát sẽ giao 140.000 tấn HRC thương mại cho khách hàng từ đầu tháng 11 làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất ống thép của Việt Nam, với 60% đơn hàng của các nhà máy ở phía Bắc và 40% của các nhà máy ở phía Nam.
- HPG dự kiến đưa lò cao số 4 đi vào hoạt động trong tháng 1/2021. Khi cả 4 lò cao của Khu liên hợp đi vào hoạt động đồng bộ, sản lượng HRC của Hòa Phát đạt khoảng trên 3 triệu tấn/năm, đáp ứng hơn 25% nhu cầu tiêu thụ thép cuộn cán nóng của Việt Nam.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

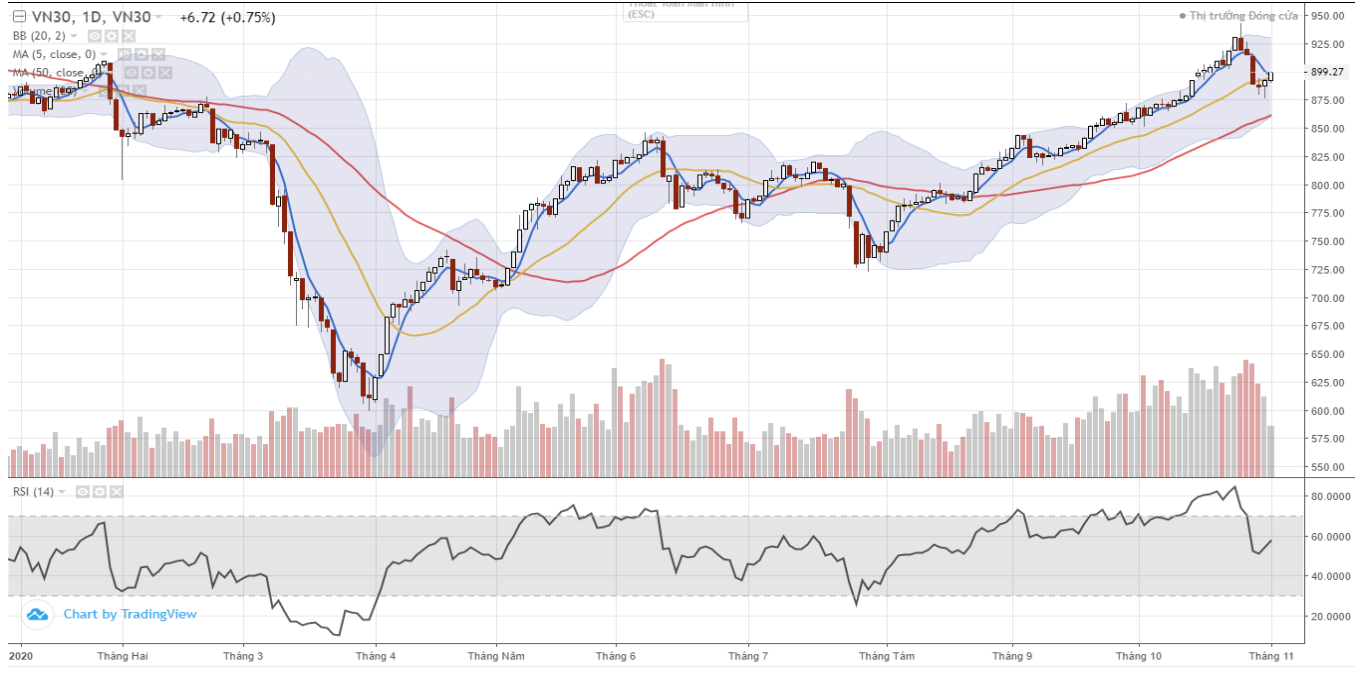
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co khá mạnh trong phiên trước khi hồi phục tích cực về cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ đối mặt với rung lắc mạnh hơn trong những phiên tới khi thử thách vùng kháng cự gần quanh 940 (+-4). Chỉ số cần vượt qua vùng then chốt này để lấy lại xu hướng tăng điểm.
- NĐT được khuyến nghị tạm đóng các vị thế trading T+ trong nhịp hồi, giữ tỷ trọng ở mức thấp và chỉ nâng tỷ trọng trở lại nếu VNIndex bứt phá thành công qua vùng cản trên.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 914 – 918

Kháng cự gần: 910 – 912

Hỗ trợ gần: 889 – 900

Hỗ trợ xa: 892 – 896

— Sau khi mở gap đầu phiên, F1 diễn biến giằng co trước khi tăng về cuối phiên.

— Diễn biến này cho thấy F1 nhiều khả năng sẽ sớm thử thách vùng kháng cự quanh 915 trong các phiên tới. Đây là 1 vùng kháng cự có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến khả năng quay lại xu hướng tăng của F1 nên chúng tôi cho rằng diễn biến rung lắc mạnh sẽ xảy ra.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự intraday nhưng cần đặt điểm STOP chặt nếu bị phá vỡ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Đóng hết vị thế LONG tại vùng kháng cự xa và chỉ mở lại nếu chỉ số bứt phá thành công qua vùng cản quan trọng này.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng chung cho các vị thế trong phiên là 2 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến trong phiên, NĐT có thể điều chỉnh tăng giảm nhẹ so với mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

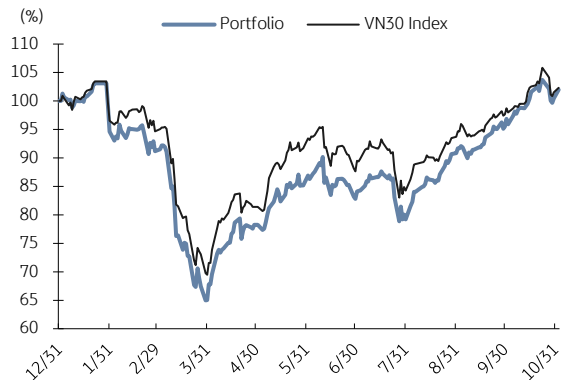
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.75%	1.53%
Tăng lũy kế (YTD)	2.30%	2.00%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	106,400	1.6%	-8.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,100	-0.4%	1.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	71,500	2.9%	-6.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,000	1.1%	-8.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,550	-0.8%	22.2%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	51,700	0.4%	34.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	30,400	4.8%	24.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	104,900	3.7%	-18.8%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	30,600	0.2%	30.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,100	1.8%	2.9%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	4.8%	29.4%	17.8
GVR	3.2%	0.7%	11.3
DPM	5.5%	11.9%	10.5
IMP	0.9%	49.4%	9.6
HSG	6.3%	9.5%	4.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	0.6%	35.9%	-280.3
HPG	0.2%	34.2%	-73.8
VRE	0.8%	30.3%	-35.1
GAS	-1.0%	3.1%	-23.9
VIC	0.0%	13.8%	-22.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BVS	5.0%	23.7%	0.8
TXM	6.5%	14.7%	0.3
DXP	1.7%	18.4%	0.1
HJS	7.9%	0.1%	0.1
TNG	1.7%	8.8%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SD9	0.0%	7.8%	-0.9
IDC	3.2%	0.0%	-0.5
VCG	2.3%	0.3%	-0.5
SD6	-3.7%	6.8%	-0.3
SHS	0.8%	7.4%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.8%	PNJ, STK
Hóa chất	1.5%	GVR, DCM
Y tế	0.6%	IMP, DHG
Xây dựng và Vật Liệu	-0.8%	CVT, VGC
Tài nguyên Cơ bản	-0.9%	HSG, SHI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-5.7%	TCH, DRC
Bảo hiểm	-4.8%	BVH, BMI
Dầu khí	-3.2%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.1%	GAS, POW
Bán lẻ	-2.8%	MWG, FRT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	9.8%	HPG, HSG
Hàng cá nhân & Gia dụng	9.6%	PNJ, RAL
Hóa chất	6.7%	GVR, DCM
Bảo hiểm	6.2%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	6.0%	MSN, VCF

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-7.4%	TCH, DRC
Truyền thông	-6.1%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.2%	GAS, POW
Xây dựng và Vật Liệu	-4.7%	CTD, HT1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4.5%	GEX, LGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	106,500	360,229 (15,542)	66,287 (2.9)	22.9	58.3	42.8	19.0	6.6	8.7	4.1	3.8	0.0	1.3	13.3	-7.4
	VHM	VINHOMES JSC	75,900	249,674 (10,772)	181,661 (7.8)	27.1	9.3	8.2	35.0	38.4	31.1	2.9	2.2	-0.1	-3.3	0.0	-10.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	25,500	57,944 (2,500)	119,165 (5.1)	18.7	24.3	17.6	-2.7	8.3	11.5	2.0	1.9	0.8	-8.1	-6.6	-25.0
	NVL	NO VA LAND INVES	62,300	61,401 (2,649)	87,834 (3.8)	32.8	16.6	17.2	1.6	15.3	12.7	2.4	-	0.5	0.5	-1.9	4.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,400	13,635 (588)	18,688 (0.8)	8.4	12.5	10.4	14.9	14.1	15.6	1.6	1.4	-2.4	-0.8	0.6	-4.8
	DXG	DAT XANH GROUP	11,750	6,090 (263)	69,506 (3.0)	13.2	13.5	5.6	-43.3	3.6	14.5	0.8	0.6	2.2	-0.4	14.1	-19.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,800	318,222 (13,729)	82,937 (3.6)	6.4	19.6	16.9	10.3	19.3	18.5	3.3	2.8	3.4	-0.2	2.1	-4.9
	BID	BANK FOR INVESTM	38,900	156,457 (6,750)	99,634 (4.3)	12.6	24.8	17.4	-5.3	9.3	11.8	1.9	1.7	1.0	-5.1	-4.3	-15.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,400	74,903 (3,232)	537,601 (23.2)	0.0	7.2	6.2	4.1	15.5	15.4	1.0	0.9	0.2	-8.4	-5.1	-9.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	30,400	113,191 (4,884)	277,328 (12.0)	0.6	15.2	12.6	18.7	10.6	11.9	1.4	1.3	4.8	-0.3	12.8	45.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,800	58,018 (2,503)	189,418 (8.2)	0.3	7.1	6.4	5.4	17.8	16.0	1.2	1.0	0.8	-2.1	0.6	19.0
	MBB	MILITARY COMMERC	18,000	49,917 (2,154)	127,575 (5.5)	0.0	6.7	5.7	8.8	18.0	17.5	1.1	0.9	1.1	-2.2	4.3	-0.5
	HDB	HDBANK	24,400	30,639 (1,322)	41,960 (1.8)	1.6	7.6	6.7	20.3	19.1	18.5	1.4	1.2	0.8	-2.4	-1.2	15.1
	STB	SACOMBANK	13,450	24,259 (1,047)	256,955 (11.1)	14.4	12.7	9.7	16.4	10.4	9.2	0.9	0.8	1.1	-4.6	0.0	33.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,100	18,863 (814)	64,602 (2.8)	0.0	6.3	5.1	29.4	22.4	20.3	1.2	0.9	1.3	-3.8	-7.0	9.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,200	21,146 (912)	7,024 (0.3)	0.0	37.0	35.5	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.0	-0.6	1.2	-3.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	51,000	37,858 (1,633)	69,946 (3.0)	20.6	31.0	26.2	2.6	6.3	7.7	1.9	1.9	1.0	-5.4	5.2	-25.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,800	2,448 (106)	6,643 (0.3)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.0	1.1	-3.1	-6.0	8.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,150	10,306 (445)	91,133 (3.9)	50.1	11.6	10.6	-15.9	9.2	9.7	-	-	0.3	-2.6	-3.4	10.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	38,500	6,376 (275)	41,278 (1.8)	73.0	-	-	-	-	-	-	-	4.3	7.5	22.2	30.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	21,200	6,467 (279)	59,377 (2.6)	51.3	-	-	-	-	-	-	-	2.4	-3.2	-2.8	-0.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,300	3,190 (138)	21,558 (0.9)	16.3	-	-	-	-	-	-	-	3.4	-1.9	7.4	6.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,600	224,846 (9,701)	187,742 (8.1)	50.3	21.8	20.1	7.1	38.1	37.8	7.7	7.0	-0.4	-2.6	-0.4	10.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	185,500	118,958 (5,132)	20,633 (0.9)	36.9	27.9	23.6	1.8	22.3	25.0	5.8	5.1	0.7	0.3	0.5	-18.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	84,500	99,261 (4,283)	356,305 (15.4)	13.1	113.7	43.0	-59.5	2.3	5.9	3.1	3.0	0.6	-3.9	56.2	49.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,000	12,194 (526)	21,875 (0.9)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-5.6	-7.6	-20.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	104,900	54,951 (2,371)	49,058 (2.1)	12.5	-	13.3	-91.0	7.0	25.0	3.4	2.8	3.7	0.4	0.0	-28.2
	GMD	GEMADEPT CORP	23,050	6,844 (295)	12,700 (0.5)	0.0	17.2	14.8	-53.8	6.7	7.5	1.1	1.1	-1.7	-1.9	-4.8	-1.1
	CII	HO CHI MINH CITY	16,350	3,905 (168)	36,960 (1.6)	37.7	8.2	7.6	142.2	9.6	9.4	0.7	0.7	-0.6	-3.8	-13.5	-27.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,250	1,277 (055)	21,160 (0.9)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	2.3	-0.4	4.2	-87.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,050	8,953 (386)	151,169 (6.5)	35.6	23.3	10.0	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.3	-7.1	-19.6	-1.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	56,500	4,311 (186)	88,897 (3.8)	2.4	6.9	7.4	-33.3	7.5	7.0	0.5	0.5	0.2	0.0	-17.8	10.1
	REE	REE	41,550	12,883 (556)	18,211 (0.8)	0.0	8.2	6.9	-8.8	13.9	15.2	1.1	1.0	-0.8	-0.8	3.5	14.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	69,700	133,402 (5,756)	71,869 (3.1)	45.9	17.1	14.1	-14.4	16.4	18.4	2.6	2.5	-1.0	-3.2	-3.1	-25.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,500	6,477 (279)	4,159 (0.2)	29.7	9.7	9.3	-5.7	16.1	17.1	1.6	1.5	-0.9	0.4	-3.0	3.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,700	7,278 (314)	4,282 (0.2)	33.4	8.3	7.6	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.1	0.4	-1.5	-3.8	-15.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	30,600	101,386 (4,374)	509,031 (22.0)	14.8	9.5	7.7	11.6	20.1	20.4	1.8	1.5	0.2	-0.6	14.6	56.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,150	6,711 (290)	39,218 (1.7)	37.1	10.7	11.2	2.3	9.0	8.3	0.8	0.8	5.5	1.2	-0.6	32.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,700	6,723 (290)	42,447 (1.8)	45.3	15.5	19.0	-14.4	7.6	6.2	-	-	6.7	1.2	8.5	95.4
	HSG	HOA SEN GROUP	15,950	7,087 (306)	171,106 (7.4)	39.5	8.3	7.8	71.2	13.0	12.2	-	-	6.3	4.6	3.2	114.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,000	2,439 (105)	19,426 (0.8)	97.7	5.9	6.7	39.3	13.3	10.5	0.6	0.5	0.9	-4.8	-4.9	-9.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	48,350	58,930 (2,542)	15,688 (0.7)	4.0	49.2	16.6	-41.4	5.4	15.3	2.4	2.1	-1.3	-3.3	-4.4	-13.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,750	4,527 (195)	65,877 (2.8)	39.8	41.2	35.0	-14.7	0.9	1.2	0.3	0.3	-0.9	-2.3	-6.9	-28.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,400	3,771 (163)	31,228 (1.3)	31.5	8.6	7.3	-16.1	9.3	10.3	0.7	0.7	1.9	0.4	-5.0	-20.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	106,400	48,157 (2,078)	96,421 (4.2)	0.0	13.0	9.8	10.5	26.6	28.2	3.2	2.5	1.6	-3.3	2.3	-6.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	71,500	16,096 (694)	71,593 (3.1)	0.0	17.9	14.9	-0.8	20.4	22.9	3.2	2.9	2.9	3.6	17.2	-16.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,800	1,401 (060)	1,314 (0.1)	69.4	18.8	13.7	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-0.2	0.0	-6.3	21.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,000	1,659 (072)	12,091 (0.5)	13.2	14.0	9.9	-48.5	6.8	12.1	1.1	1.0	0.7	-8.3	-12.9	-0.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	56,300	7,629 (329)	49,740 (2.1)	36.6	7.8	7.2	24.4	35.7	31.2	2.5	2.2	2.2	-0.4	-2.6	47.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,900	13,585 (586)	334 (0.0)	45.2	20.0	18.4	8.0	20.7	20.1	3.8	3.6	1.9	0.9	-1.9	13.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,100	5,258 (227)	234 (0.0)	37.9	14.9	-	7.3	16.4	-	2.4	-	1.2	0.0	2.0	29.1
IT	FPT	FPT CORP	51,700	40,528 (1,749)	123,698 (5.3)	0.0	11.6	10.1	20.0	22.6	23.5	2.4	2.2	0.4	-2.1	2.8	2.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.